

Bản án số: 50/2020/HS-ST

Ngày 02 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2020/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu T** (tên gọi khác: Nguyễn Hữu T) - Sinh ngày 29/3/1986; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Tổ 9, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T1 - đã chết và bà Đỗ Thị T - Sinh năm 1961; vợ Lù Thị V - Sinh năm: 1991 (đã ly hôn); bị cáo có hai người con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không:

Nhân thân: Ngày 18/02/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (theo bản án hình sự sơ thẩm số 35/2009/HSST); Ngày 29/9/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (theo bản án hình sự sơ thẩm số 81/2012/HSST. **Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù năm 2012 và các quyết định khác của bản án, bị cáo không có án tích nhưng là người có nhân thân xấu.**

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/03/2020 đến ngày 14/03/2020 thì bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị T - Sinh năm: 1961; Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 05/3/2020, tại khu vực tổ 7, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Công an phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ làm nhiệm vụ, phát hiện Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: Nguyễn Hữu T) có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy, T hành kiểm tra, phát hiện trong túi áo khoác bên phải của T đang mặc có một viên nén màu hồng, gói trong 01 mảnh giấy màu trắng và 01 mảnh nilon màu trắng. Bị cáo T khai, viên nén màu hồng bị thu giữ là hồng phiến, vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 05/3/2020 bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27P1-031.54 từ nhà xuống khu vực đầu bản Xôm, mua của một người đàn ông không quen biết hết 50.000 đồng, mục đích để bản thân sử dụng, trên đường về thì bị phát hiện.

Tại Bản kết luận giám định số 273/GĐ-PC09 ngày 12/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Mẫu viên nén màu hồng ký hiệu M gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng là 0,1 gam. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại Bản cáo trạng số: 52/CT- VKSTPĐBP ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại giai đoạn điều tra, bà Đỗ Thị T trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27P1-031.54 là tài sản của bà, năm 2014 bà mua với giá 21.000.000 đồng và đăng ký xe mang tên bà, sau khi mua xe bà cho bị cáo T mượn làm phương tiện đi lại và chở hàng cho bà. Ngày 05/3/2020 bà không biết bị cáo T sử dụng xe để đi mua ma túy về sử dụng. Bà T đã nhận lại chiếc xe mô tô và không yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,07g Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh nilon màu; 01 mảnh giấy màu trắng;

Chấp nhận việc trả lại tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra cho bị cáo Nguyễn Hữu T và bà Đỗ Thị T.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T đã được triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, tại giai đoạn điều tra bà T đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị T theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Vào hồi 14 giờ 40 phút, ngày 05/3/2020, tại khu vực tổ 7, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: Nguyễn Hữu T) đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,1 gam Methamphetamine với mục đích để bản thân sử dụng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bởi vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[3] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bắt

chấp các quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về nhân thân: Ngày 18/02/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (theo bản án hình sự sơ thẩm số 35/2009/HSST); Ngày 29/9/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (theo bản án hình sự sơ thẩm số 81/2012/HSST). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù năm 2012 và các quyết định khác của bản án. **Đến ngày 05/3/2020 (ngày bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy) bị cáo không có án tích nhưng là người có nhân thân xấu.**

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo không có tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[9] Trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị cáo khai, bị cáo mua ma túy của một người đàn ông nhưng không biết tên, địa chỉ, chính vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trong vụ án.

[10] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,07g Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh giấy màu trắng;

Đối với chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu RED MI (BY XIAOMI) có số IMEI 1: 8660420046044033, số IMEI 2: 866042048204031 bên trong có lắp một sim Viettel, máy đã qua sử dụng; một chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu T là tài sản của bị cáo T. Bị cáo đã ủy quyền cho mẹ là Đỗ Thị T nhận hộ. Đối với một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda WAVE α màu sơn xanh đen, đeo biển kiểm soát 27P1-031.54 là tài sản của bà Đỗ Thị T. Do các tài sản, giấy tờ trên không liên quan đến vụ án, cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Điện Biên Phủ căn cứ Điều 36, 39 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo và bà Đỗ Thị T là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 22/5/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Điện Biên Phủ với bà Nguyễn Thị T).

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: Nguyễn Hữu T), phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 05/3/2020).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,07g Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh giấy màu trắng;

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/6/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Điện Biên Phủ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/7/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

